

HOẠT ĐỘNG XÁC LẬP VÀ THỰC THI CHỦ QUYỀN BIỂN ĐẢO VIỆT NAM DƯỚI THỜI VUA GIA LONG (1802-1820)

NCS. Huỳnh Tâm Sáng

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Sau khi giành lại quyền làm chủ đất Gia Định (1788), Nguyễn Ánh đã nhanh chóng chinh đốn thuế khóa, tích trữ lương thực, củng cố lực lượng, chờ đợi thời cơ tiến đánh Tây Sơn. Nhân khi Quang Trung mất (1792), Quang Toản lên nối ngôi còn nhỏ tuổi, triều đình lại đang thế suy yếu, Nguyễn Ánh đã “Bắc tiến” và chiếm được Quy Nhơn (1800). Một năm sau, Nguyễn Ánh tiến quân vượt biển và chiếm được Phú Xuân (Huế). Sau khi chiếm được Thăng Long, Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế (tháng 5 âm lịch năm 1802), lấy niên hiệu là Gia Long và định đô ở Thuận Hóa (Huế). Có thể nói, từ đây “toàn bộ lãnh thổ của nước Đại Việt từ Mục Nam Quan đến mũi Cà Mau và các hải đảo đều thuộc quyền Nguyễn Ánh, Nam – Bắc, Trong – Ngoài bị phân cách trong khoảng 3 thế kỷ đã hợp thành một đất nước rộng hơn trước”.¹

1. Hoạt động xác lập và thực thi chủ quyền biển đảo của vua Gia Long (1802-1820)

Là một vị vua đầu tiên của triều Nguyễn với cuộc đời đầy thăng trầm trong quá trình bôn ba “chân trời, góc bể” tìm mọi phương kế khôi phục cơ đồ, Nguyễn Ánh đã ý thức sâu sắc nhu cầu xác lập và thực thi chủ quyền biển đảo. Những hoạt động này sẽ góp phần củng cố tiềm lực quốc gia, xác lập những nền tảng quan trọng để phát triển đất nước. Cũng từ thời vua Gia Long mà sự gắn bó với biển đã bắt đầu được thể hiện rõ nét với những cơ sở quan trọng là tiền đề cho những hậu duệ của Gia Long kế tục, bổ sung và hoàn thiện. Các hoạt động đáng chú ý của vua Gia Long có thể khái quát lại thông qua: (i) thực thi năng lực quản lý về hành chính, (ii) khai thác lợi ích kinh tế vùng biển đảo, (iii) khẳng định và bảo vệ chủ quyền.

1. Bên cạnh việc củng cố, bảo vệ và thực thi chủ quyền trên bộ, vua Gia Long còn tăng cường khẳng định và bảo vệ chủ quyền tại các vùng biển đảo của Việt Nam trên Biển Đông. Ngay sau khi lên nắm quyền và thực thi các biện pháp ổn định nội trị, vua Gia Long đã ra sắc dụ nhắc nhở các triều thần và binh sĩ về sự vất vả, khó khăn trong việc làm chủ biển đảo: “Côn Lôn, Phú Quốc, Thị Nai, Cù Mông, trăm cùng tướng sĩ các người đã trăm trận đánh vất vả mới có ngày nay. Lúc yên đừng quên lúc nguy, đó thực là đạo giữ nước yên dân”.² Lời khuyên dụ của vua Gia Long có tác dụng định hướng rất quý báu cho các nhà cầm quyền trong việc bảo vệ biển đảo giai đoạn sau. Bởi lẽ, chặng đường Nguyễn Ánh bôn ba tìm phương phục quốc đã gắn chặt với biển

¹ Lê Xuân Diệm, “Vị thế Nam Bộ thời cổ (tiếp cận từ cổ địa đến cổ sử)”, tr. 63 trong Đề án Khoa học Xã hội cấp Nhà nước “Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ” (2011), *Mấy vấn đề tiến trình lịch sử xã hội*, Kỷ yếu Khoa học lần thứ hai, thành phố Hồ Chí Minh, 30-5-2009, Nxb. Thế giới.

² Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 811.

cả; nhận thức và thái độ của vua Gia Long về ý nghĩa phòng thủ của biển đảo là vô cùng xác đáng và có giá trị thực tiễn cao.

Đặc biệt, vua Gia Long đã nhanh chóng cho tái thành lập các đội Hoàng Sa và Bắc Hải. Vào tháng 7 năm Quý Hợi (1803), trên cơ sở tiếp nhận công cuộc bảo vệ chủ quyền thông qua việc thành lập đội Hoàng Sa từ trước thời chúa Nguyễn Phúc Tần (1648-1687), vua Gia Long đã cho tái thành lập đội Hoàng Sa. Sách *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ* ghi nhận: “*Lấy Cai cơ Võ Văn Phú làm Thủ ngự cửa biển Sa Kỳ, sai mộ dân ngoại tịch lập làm đội Hoàng Sa. Sai Thuộc nội cai cơ Nguyễn Văn Đức quản giữ ba đạo Cần Giờ, Vũng Tàu và Đồng Tranh*”.³ Các đội Hoàng Sa và Bắc Hải đã hoạt động hiệu quả trong hơn thập kỷ đầu của thế kỷ XIX. Sau đó, do yêu cầu mới của công cuộc khai thác, xây dựng và bảo vệ biển đảo, vua Gia Long đã tích hợp dần các đội Hoàng Sa, Bắc Hải vào đội Thủy quân của nhà Nguyễn, qua đó từng bước chính quy hóa lực lượng bảo vệ biển đảo, biến các đội bán quân sự, bán vũ trang thành lực lượng quân sự chính quy của nhà nước với trang bị tàu thuyền, vũ khí hiện đại và tổ chức kỷ luật chặt chẽ.⁴

Đội Hoàng Sa đã phụ trách công tác đo đạc thủy trình ở các vùng biển đảo trong không gian biển Đông. Cụ thể, vào tháng Giêng, năm Ất Hợi (1815), Phạm Quang Ảnh thuộc đội Hoàng Sa đã vâng lệnh vua Gia Long thực hiện công tác đo đạc thủy trình và vẽ bản đồ Hoàng Sa. Sự kiện này được Mộc bản sách *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ* ghi rõ: Gia Long “sai đội Hoàng Sa là bọn Phạm Quang Ảnh ra đảo Hoàng Sa thăm dò đường biển”.⁵ Năm Gia Long thứ 15, năm Bính Tí (1816), đội Hoàng Sa đã phối hợp với cả thủy quân ra Hoàng Sa xem xét và đo đạc thủy trình. Mộc bản sách *Đại Nam thực lục chính biên đệ nhất kỷ* chép sự kiện tháng 3 rằng: “Sai các dinh trấn, xem đo đường biển cách nhau xa gần bao nhiêu, vẽ bản đồ dâng lên” và “sai thủy quân và đội Hoàng Sa đi thuyền ra Hoàng Sa để thăm dò đường thủy”.⁶

Chủ trương mới của nhà Nguyễn là dùng một bộ phận quân đội thường trực của nhà nước, cụ thể là thủy binh và vệ Giám thành, làm lực lượng chủ yếu kết hợp cùng với chế độ thuê thuyền và lực lượng dân phu làm nghề đánh cá ven biển ở Quảng Ngãi và các vùng lân cận để tiến hành các hoạt động khảo sát. Cửa biển Sa Kỳ và đảo Lý Sơn là nơi tập kết lực lượng và xuất phát của các cuộc khảo sát Hoàng Sa, cũng là nơi tuyển chọn dân phu làm thủy thủ, lái thuyền, người hướng dẫn.⁷ Đặc biệt, vua Gia Long đã bắt đầu chú ý đến việc sử dụng Thủy quân thay vì chỉ chú trọng đội Hoàng Sa như trước đây. Ngoài việc kiểm soát và đo đạc tại Hoàng Sa thì Thủy quân còn thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền của Việt Nam. Nếu trước đây đội Hoàng Sa thực hiện các sứ mệnh vừa “bán quân sự” lại vừa “bán dân sự” thì từ giai đoạn này, đội Hoàng Sa sẽ mang tính dân sự nhiều hơn. Có thể nói, nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền đã được nhận thức và triển khai mạnh mẽ từ năm 1816 với việc chuyển giao trách nhiệm lịch sử bảo vệ biển đảo từ đội Hoàng Sa

³ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, *Sđd*, tr. 566.

⁴ Trần Nam Tiến (2014), *Đội Hoàng Sa trong lịch sử xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam*, Nxb. Văn hóa – Văn nghệ, tr. 92-93.

⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, *Sđd*, tr. 898.

⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, *Sđd*, tr. 922.

⁷ Phan Huy Lê, “Châu bản triều Nguyễn và những chứng cứ lịch sử - pháp lý về chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa – Trường Sa”, Tạp chí *Xưa và Nay*, Đặc khảo Hoàng Sa – Trường Sa, Số 449 (7-2014), tr. 11.

cho lực lượng Thủy quân. Nhận thức về tầm quan trọng của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa, vấn đề điều động Thủy quân do triều đình trực tiếp tổ chức và quản lý.

Ngoài việc xem xét đo đạc thủy trình, vua Gia Long còn quan tâm sâu sắc đến việc vẽ bản đồ và cột mốc đánh dấu chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa. Nhiệm vụ cắm cột mốc, bia chủ quyền sẽ do Thủy quân phối hợp chặt chẽ với đội Hoàng Sa cùng thực hiện. Vào thời vua Gia Long (1802-1820), công tác vãng thám đo đạc ở Hoàng Sa theo lệ bắt đầu vào mùa xuân. Các chuyến đi vãng thám và đo đạc bản đồ đều phải tuân thủ theo thời gian quy định. Các đội viên có quyền được cấp giấy sai đi, được miễn thuế sưu, tiền đồ và được thưởng tiền. Tùy tiện làm chậm trễ lịch trình hay làm không chu tất thì sẽ bị phạt tội tương xứng với mức độ nghiêm trọng của lỗi.⁸ Để khẳng định chủ quyền đối với Hoàng Sa, năm 1816, vua Gia Long đã cho cắm cờ quốc gia trên quần đảo Hoàng Sa và sai thủy quân ra đồn trú tại đây để thu thuế và bảo trợ ngư dân đánh cá trong vùng.⁹ Sự kiện năm 1816 chính là cột mốc quan trọng đánh dấu việc xác lập chủ quyền của vua Gia Long trên quần đảo Hoàng Sa.

Jean-Baptiste Chaigneau (1769 – 1832), từng theo phò Nguyễn Ánh chống Tây Sơn và sau làm quan cho triều đình nhà Nguyễn lúc bấy giờ đã viết trong quyển *Le Mémoire sur la Cochinchine* (Hồi ký về nước Cochinchine) vào những năm cuối đời Gia Long như sau: “*Xứ Đàng Trong, mà người đứng đầu ngày nay đã xưng đế hiệu, gồm có xứ Đàng Trong cũ, xứ Bắc Hà, một phần miền Nam, vài đảo gần bờ biển có dân cư, và quần đảo Hoàng Sa, gồm có nhiều đảo và mỏm đá không có dân cư. Vào năm 1816, vị đương kim Hoàng đế [Gia Long – TG] đã sở hữu quần đảo này*”.¹⁰ Jean Louis Taberd (1794-1840), một linh mục người Pháp cũng ghi nhận tỉ mỉ: “*Paracel hoặc Paracels (Bãi Cát Vàng), mặc dù quần đảo này không có gì ngoài các đá, bãi và độ sâu lớn hứa hẹn nhiều bất tiện lợi hơn, vua Gia Long đã nghĩ tới việc mở rộng lãnh thổ của ngài bằng cách chiếm thêm vùng đất buồn bã này. Năm 1816, ngài đã tới đây long trọng cắm cờ, chính thức chiếm hữu các đảo này, mà không có một ai tranh giành gì với ngài cả*”.¹¹ Jean-Baptiste Dubois de Jancigny (1753–1808) trong *L'Univers Pittoresque. Histoire et Description De Tous Les Peuples. Japon, Indo-Chine, Empire Birman (Ou Ava), Siam, Annam (Ou Cochinchine), Peninsule Malaise, Etc., Ceylan* (Vũ trụ như tranh vẽ, lịch sử và mô tả các dân tộc Nhật, Đông Dương, đế chế Miến Điện, Xiêm La, An Nam, Bán đảo Mã Lai, Ceylon...) cũng viết: “*... chắc chắn rằng vua Gia Long đã gắn thêm vòng hoa này vào vương miện của ngài, bởi vì ngài đã thân chinh tới đó chiếm hữu, việc này xảy ra vào năm 1816 khi ngài long trọng kéo cờ của Nam Kỳ (Cochinchine) lên đó*”.¹²

⁸ Nguyễn Việt Long (2012), *Luật quốc tế và chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb. Trẻ, tr. 82.

⁹ Đại đoàn kết (2014), *Tổ quốc nơi đảo xa*, Nxb. Văn hóa – Văn nghệ, tr. 72-73.

¹⁰ A. Salles, “J. B. Chaigneau et sa famille. Id. Le Mémoire sur la Cochinchine de Jean Baptiste Chaigneau”, *Bulletin de l'Ecole française d'Extrême-Orient*, Tome 23, 1923, pp. 424-427.

¹¹ J.L Taberd, “Note on the geography of Cochin-China”, *Journal of the Royal Asiatic Society of Bengal*, Calcutta, Vol. VI, September 1837, pp. 737 – 745.

¹² M.A Dubois de Jancigny (1850), *L'Univers Pittoresque. Histoire et Description De Tous Les Peuples. Japon, Indo-Chine, Empire Birman (Ou Ava), Siam, Annam (Ou Cochinchine), Peninsule Malaise, Etc., Ceylan*, Firmin Didot Freres, p. 555.

Những hoạt động xác lập chủ quyền trên thực tế của vua Gia Long ở Hoàng Sa (bao gồm cả Trường Sa) đã thể hiện rõ tính chức năng của nhà nước phù hợp với nguyên tắc thụ đắc lãnh thổ, và đảm bảo cả hai yếu tố là *l'animus domini* (yếu tố tinh thần) và *corpus* (yếu tố vật chất). Đây là cơ sở quan trọng để các vị vua kế tục Gia Long tiếp tục các hoạt động khẳng định chủ quyền liên tục đối với biển đảo Việt Nam.

Để phục vụ cho công cuộc bảo vệ bờ biển, vua Gia Long đã chú trọng đến việc vẽ bản đồ để xác định cương giới. Năm 1813, vua Gia Long “hạ lệnh cho các trấn thủ dọc biển các địa phương đo những nơi cửa biển sở tại, sâu nông rộng hẹp thế nào, hằng năm cứ đến mùa xuân mùa đông thì dâng bản đồ lên. Bộ Công sẽ đưa đồ bản cho các đội thuyền vận tải của Thủy quân để cho biết đường thủy khó dễ thế nào”.¹³ Có thể nói, việc xác lập cương giới cũng nằm trong nhận thức rất sớm của Gia Long. Tháng 6 năm 1817, “Thuyền Mã Cao đậu Đà Nẵng, đem địa đồ đảo Hoàng Sa dâng lên. Thưởng cho 20 lạng bạc”.¹⁴ Vua Gia Long cũng từng lệnh cho Bộ Công tổ chức biên soạn cuốn *Duyên Hải Lục*, ghi chép chi tiết độ sâu của thủy triều ven biển và cây số đường biển. Cuối tháng 6 năm Đinh Sửu (1817), vua Gia Long “sai bọn Hữu tham tri Công bộ Nguyễn Đức Huyền và Tả tham tri Đoàn Viết Nguyên làm sách *Duyên hải lục*, phía nam đến Hà Tiên, phía bắc đến Yên Quảng, phàm các cửa biển, mực nước khi triều lên xuống sâu nông thế nào, dặm đường xa gần bao nhiêu, đều chép cả. (Làm hai quyển, hợp 4 dinh 15 trấn; cửa biển 143 chỗ, lấy 540 trương là một dặm, thành số hơn 5.902 dặm)”.¹⁵

Những nỗ lực tăng cường quản lý về mặt hành chính thông qua kiểm soát trên thực tế đối với các vùng biển đảo như vãng thám, đo đạc thủy trình, cắm mốc, vẽ bản đồ,... và đặc biệt là thực thi chủ quyền dựa vào việc tái thành lập và phát triển đội Hoàng Sa và Bắc Hải đã khẳng định mạnh mẽ quyết tâm làm chủ biển đảo của vua Gia Long. Những hoạt động này được thực hiện một cách bài bản, nghiêm túc và phát triển về tính chất lần quy mô đã tạo điều kiện để các chính sách khai thác kinh tế được tiếp nối.

2. Ngoài việc tăng cường quản lý về mặt hành chính, vua Gia Long còn thực thi các chính sách khai thác kinh tế vùng biển. Bắt đầu từ thời nhà Nguyễn, chính sách thu thuế cửa biển đối với tàu nước ngoài đã được chú trọng để mang lại nguồn thu cho đất nước. Ngay khi thiết lập vương triều, vua Gia Long đã định rõ ngạch thuế đối với tàu buôn nước ngoài khi đến giao thương ở các cảng trong cả nước.¹⁶ “Thuyền chủ nước Đại Pháp là Cốt Tu My tới buôn ở cửa Đà Nẵng, đem dâng đồ hóa vật của Nguyễn Văn Chân gửi qua; Ngài khiến đem để vào kho, mà trả giá 7.680 lượng bạc; lại tha thuế thuyền nhập cảng 10 phần cho 5; phát phẩm vật trong kho gửi cho ông Chân, ông Thắng và gửi sắc dụ hỏi thăm”.¹⁷ Với mỗi đối tượng khác nhau, nhà vua quy định mức đóng thuế cũng khác biệt: “Định lại thuế xã Minh Hương biệt nạp ở các xứ: mỗi người nạp

¹³ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, *Sđd*, tr. 856.

¹⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, *Sđd*, tr. 950.

¹⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, *Sđd*, tr. 951.

¹⁶ Lê Thị Hải Hà, “Chính sách khai thác biển, đảo Việt Nam của triều Nguyễn vào thế kỷ XIX”, Tạp chí *Huế Xưa và Nay*, Số 122, 3-4/2014, tr. 33.

¹⁷ Cao Xuân Dục (dịch) (1988), *Quốc triều chính biên toát yếu*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 175.

một năm hai lượng bạc, dân đinh già yếu cho nạp một nửa, dung dịch thời tha cả”.¹⁸ Các sản vật từ biển đảo cũng được đánh thuế theo định mức hàng năm để mang lại nguồn cung cho nhà nước: “Lại đánh thuế dầu hương ở huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi. Các đảo ở ngoài biển phường An Hải huyện Bình Sơn sản cây dầu hương, hằng năm đánh thuế (141 cân 12 lượng). Từ năm Gia Long thứ 11, bão làm gãy cây, thay bằng dầu lạc. Đến nay cây ấy lại mọc nhiều, dân xin nộp thuế dầu hương như cũ. Vua y cho”.¹⁹

Đồng thời với hoạt động kiểm soát về mặt hành chính, vua Gia Long còn khẳng định chủ quyền đối với các vùng lãnh thổ mà mình thu thập được, thể hiện một cách gián tiếp thông qua cách kiểm soát, định thuế, hình phạt đối với các thuyền buôn Hà Tiên, Xiêm La, Hạ Châu với 13 điều cụ thể được ban hành năm 1809.²⁰ Trong số 13 điều trên, điều 9, 10, 11 đã thể hiện rõ nhất ý thức và tính kiểm soát về mặt chủ quyền của vua Gia Long đối với các vùng lãnh hải:

Điều 9: Khi thuyền buôn Hà Tiên và Xiêm La vào cửa, quan sở tại đều chiếu văn bằng mà kiểm xét số người trong thuyền, khi trở về lại kiểm đúng số, cấp văn bằng cho về. Nếu có chở kèm người bản quốc, không kể trai gái, già trẻ, tức thì bắt giữ trị tội. Chủ thuyền chở kèm thì xử 100 trượng, đồ 3 năm; người trong thuyền đều bị 50 roi. Người trong thuyền mà chở kèm cũng bị tội trượng và tội đồ, chủ thuyền bị 60 trượng, những người khác đều bị 50 roi; tài vật đều sung công. Người ở trong thuyền ai phát giác thì được miễn tội mà hàng hóa cũng không mất. Nếu người ngoài phát giác thì lấy tiền tang vật của người phạm tội thưởng cho 100 quan.

Điều 10: Các thuyền buôn Hà Tiên, Xiêm La và Hạ Châu chỉ được đi thông thương từ bốn trấn ở Gia Định cho đến Quảng Ngãi là thôi.

Điều 11: Những dân buôn bán ở các thành dinh trấn cùng người Thanh ngụ ở nước ta không được tự tiện đi đến Xiêm La và Hạ Châu buôn bán.²¹

Để quản lý các thuyền buôn nước ngoài, vua Gia Long đặt ra các cơ quan có trách nhiệm giám sát các thuyền buôn: năm 1804, vua Gia Long “đặt ra Ty tào chính gồm Bắc Tào và Nam Tào. Cơ quan này có nhiệm vụ kiểm tra lộ trình và ngạch thuế các loại thuyền buôn nước ngoài đến Kinh đô, Quảng Nam và Gia Định. Cơ quan này còn giám sát các địa phương coi tàu và thu thuế ngoại thương”.²² Quan hệ hải thương với phương Tây cũng được chú trọng: “Riêng Đà Nẵng, có thêm Nha Thương Bạc thay mặt nhà nước quan hệ chủ yếu với thuyền buôn phương Tây”.²³

Nhận thức rằng vận tải biển góp phần mang lại lợi ích cao, vua Gia Long đã đầu tư cho hoạt động này. Tận dụng lợi thế của biển đảo trong việc mở rộng bờ cõi, vua Gia Long đã ban chỉ dụ khẳng định tầm quan trọng của tuyến đường giao thông huyết mạch có ý nghĩa chiến lược. Vị thế của cửa biển Thuận An đã được nhà vua nêu rõ: “Dụ rằng: Nhà nước ta mở mang bờ cõi phía Nam, cho đến khôi phục Thần kinh, đều là do đường cảng ấy. Từ khi lạch cũ ấy bị lấp và thành

¹⁸ Cao Xuân Dục (dịch) (1988), *Quốc triều chính biên toát yếu*, Sđd, tr. 175.

¹⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 2, Sđd, tr. 340.

²⁰ Cổ Mộ, “Bảo vệ chủ quyền biển đảo thời Gia Long, Minh Mạng”, *Báo Kiến thức ngày nay*, Số 863, tr. 15.

²¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Sđd, tr. 762-763.

²² Đỗ Bang (1997), *Kinh tế thương nghiệp Việt Nam dưới triều Nguyễn*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 81.

²³ Nguyễn Phan Quang (2002), *Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 87.

lạch mới cạn hẹp quanh co, ra vào rất khó. Nay lại theo lối cũ mà khai vét, vì nghĩ có phí tổn tạm thời mà được yên mãi, để lợi vô cùng cho nghìn muôn đời”.²⁴ Nếu tận dụng được lợi thế về con đường giao thông cửa biển, việc kết nối kinh đô với các địa phương sẽ trở nên thuận tiện hơn rất nhiều. Hệ thống cảng biển cũng hữu ích cho việc giao thông vận tải. Tháng 8 năm 1810, vua Gia Long định lại 4 điều về việc vận tải biển, trong đó “*Kỳ hạn vận tải*” có đề cập đến nội dung: “phàm việc vận tải mỗi năm một lần, cứ thượng tuần tháng 4 thì ra biển. Quan sở tại, trước ngày ra khơi, tư ngay cho các trấn thủ các địa phương, ngày đêm đi tuần ở biển; thuyền chờ đi qua, có cần giúp đỡ gì, tức thì chiếu cố và khám làm chứng, đem việc tâu lên”.²⁵

Các hoạt động vận tải chủ yếu là lương thực, các khoản tiền thuế và quân nhu cho quân đội... Năm 1804, đã có quy định về ngạch lương vận tải cụ thể: “Gia Định từ sau hàng năm phải vận tải thóc vua dùng 1000 hộ, đem vào kinh dâng nộp, lấy làm lệ thường”.²⁶ Đối với các thuyền công của nhà nước thì khi đi buôn được hưởng ưu tiên đặc biệt. Năm Gia Long thứ 15 (1816), “bãi tiền thuê thuyền vận tải. Trước đây thuyền Trường Đà và thuyền công thuyền tư một năm đi chở vật công vật tư thì nhà nước trả tiền thuê, một năm đi buôn thì nộp thuế y lệ. (Tiền thuê và tiền thuê ngang nhau). Vua muốn bớt phí tổn về việc chi thu, bèn sai đổi định điều lệ, lấy năm Đinh Sửu sang năm bắt đầu. Phàm thuyền chở cho nhà nước thì đình tiền thuê, mà đi buôn thì được miễn thuế”.²⁷ Các chuyến vận tải biển vừa mang lại nguồn thu cho quốc gia vừa thúc đẩy việc chuyên chở và làm giảm bớt những rủi ro cũng như sức ép khi vận tải bằng đường bộ.

Ngoài việc đẩy mạnh khai thác ở biển thì vào thời Gia Long nhà vua còn thực hiện chính sách khai thác ở các đảo. Đặc biệt, thế mạnh nước ta với dải bờ biển lớn và có nhiều đảo lớn nhỏ đã tạo điều kiện cho việc khai thác yến sào – vốn là mặt hàng có giá trị kinh tế cao và thường được vận chuyển vào cung để phục vụ cho hoàng tộc. Sách *Đại Nam nhất thống chí*, ở phần tỉnh Quảng Nam, trong mục núi sông chép: “Đảo Đại Chiêm: ở cách huyện Diên Phước 68 dặm về phía đông, ngắt ngưỡng giữa biển, gọi là đảo Ngọa Long, cũng gọi là hòn Cù Lao, có tên nữa là núi Tiêm Bút, tên cổ là Chiêm Bất Lao, làm trấn sơn cho cửa biển Đại Chiêm,... ; phía nam hòn Tai có hang đá, chim yến tụ tập, tục gọi là hòn Yến; chim yến thường ở hai bên động nhà nước dãi để làm tổ, yến hộ lấy nộp”.²⁸

Theo một số tài liệu Hán-Nôm ghi nhận, từ đời vua Gia Long đã thành lập “*Thanh Châu yến đội*”, sau này đổi thành “*Thanh Châu yến hộ*” với chức vụ quản lãnh tam tỉnh yến hộ và cuối cùng là các yến hộ trông coi nghề khai thác yến trong cả 3 tỉnh Quảng Nam, Bình Định, Khánh Hòa. Lực lượng giữ vai trò khai thác chính trong thời gian này là người làng Thanh Châu. Nhà sử học Lê Quý Đôn cũng ghi nhận: “Phủ Thăng Hoa, huyện Hà Đông, xã Thanh Châu, có nghề lấy yến sào, dân xã ấy tản cư các phủ Thăng Hoa, Điện Bàn, Quy Nhơn, Phú Yên, Bình Khang, Diên Khánh, Gia Định, hằng năm cứ đến tháng 2 phải nộp tổ non mới 120 tổ, người áp thu lĩnh

²⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 2, *Sđđ*, tr. 203.

²⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, *Sđđ*, tr. 795.

²⁶ Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 15, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 347.

²⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 2, *Sđđ*, tr. 932.

²⁸ Quốc Sử quán triều Nguyễn (1997), *Đại Nam Nhất thống chí*, tập 2, Nxb. Thuận Hóa, tr. 358-359.

tờ thị, sửa san thuyền đến các phủ để thu thuế, tháng 7 mang về trình nộp số tiêu sai, thực nộp là bao nhiêu người tùy hạng mà tính thu, hạng tráng mỗi người nộp hai cân yến, nếu không có thì nộp thay bằng tiền 2 quan, hạng dân mỗi người nộp 1 cân 8 lạng, hạng lão và đinh mỗi người nộp 1 cân, còn cả xã lại nộp lễ thường tân, chính đán 1.500 tổ. Năm Mậu Tý thuế yến sào nộp thay bằng tiền là 773 quan 1 tiền 30 đồng”.²⁹Dưới triều vua Gia Long, khai thác yến sào phải có sự cho phép của nhà nước với những chính sách, quy định khai thác cụ thể ở các địa phương. Những khoản tiền từ việc khai thác này cũng phải dành ra một phần để nộp lại cho nhà nước.

Nhìn chung, các chính sách khai thác kinh tế vùng biển của vua Gia Long khá phong phú như đặt ra ngạch thuế và thu thuế, quy định vận tải biển, phát triển các tuyến đường hàng hải, thu thuế, khai thác các sản vật. Tất cả các hoạt động này không những góp phần mang lại nguồn thu cho quốc gia mà còn nhằm phục vụ tốt cho mục tiêu khẳng định việc thực thi chủ quyền liên tục và hướng đến đảm bảo an ninh – quốc phòng cho các vùng biển.

3. Đặc biệt, để ngăn ngừa các thế lực có thể đe dọa đến sự thống trị của triều Nguyễn, Gia Long đã chú ý đến vấn đề xây dựng chiến lược và các cơ sở phòng thủ. Trong chiến lược tăng cường năng lực quốc phòng, vua Gia Long đã lưu tâm giữ gìn, bảo vệ các cửa bể. Ở các cửa bể đều làm đồn đặt súng để phòng giữ và để xem xét những tàu bè ngoại quốc đi lại. Ngoài ra, vua Thế Tổ còn chinh đốn binh thuyền lấy người ở gần bể về doanh Quảng Đức và doanh Quảng Nam làm 6 vệ thủy quân đóng tại Kinh thành. Còn ở các hải khẩu, mỗi nơi có một cơ lính thủy coi giữ. Nhà vua lại làm một thức thuyền lớn ngoài bọc đồng, để đi lại tuần phòng ở miền bể.³⁰

Thực tiễn lịch sử cho thấy, vua Gia Long đã nhờ vào biển để phát triển lực lượng và chiến thắng quân Tây Sơn cũng bằng thủy chiến. Ý thức về tầm quan trọng của biển cả đã thúc đẩy Gia Long xây dựng sức mạnh về hải quân. Năm Gia Long thứ tám (1809), nước Xiêm giao chiến với Miến Điện và xin vua Gia Long xuất quân đường thủy và đường bộ để giúp họ đánh Miến Điện thì vua nhà Nguyễn cho rằng không thể đi đường bộ, nên đi theo đường biển qua “*Hải Tây*” để hợp binh với quân nước Xiêm. Nhà vua cũng suy xét thận trọng và nghiêm túc xem có nên xuất quân hay không và nên đánh quân Miến Điện như thế nào: “*Gia Long cho rằng đường biển có hai: một từ Lục Khôn, Xa Gia đổ bộ hợp binh với quân Xiêm, thì nơi chứa lương thực và đóng quân nên chọn chỗ nào? Một qua Xá Bà và hải đảo của các nước Hồng Mao, sang thẳng Miến Điện, thì phải mượn đường của người khác, nên dung cố gì*”. Ngoài ra, khi nói về thủy quân triều đình, vua Gia Long đã hãnh diện bảo: “*Thủy quân ta thì luôn luyện tập, nếu được sử dụng trong biển thì rất tiện...*”.³¹Nhà vua rất quan tâm tới việc xây dựng và huấn luyện thủy binh vững mạnh để bảo vệ các bờ biển. Cứ đến tháng Giêng hàng năm lại tiến hành thao diễn phép chèo thuyền:

²⁹ Lê Quý Đôn (1997), *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 230.

³⁰ Trần Trọng Kim (2005), *Việt Nam Sử lược*, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, tr. 405.

³¹ Đại Nam thực lục chính biên, kỷ I, quyển 38. Dẫn theo Vu Hường Đông, “Ý thức về biển của vua Minh Mệnh”, tr. 275, 280 trong Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam (2008), *Kỷ yếu Hội thảo Khoa học “Chúa Nguyễn và vương triều Nguyễn trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XIX*, Tại Thanh Hóa, ngày 18-19/10/2008, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

“vua ngự xem, thưởng tiền cho các quân, mỗi thuyền đều 80 quan”. Trong những ngày lễ này, “vua mặc áo trận, đeo gươm và ban phát hiệu lệnh”.³²

Học tập những kỹ thuật tiên tiến và cách thức tổ chức, quản lý từ phương Tây, thủy quân triều Gia Long đã kết hợp kinh nghiệm chiến đấu với nhà Tây Sơn và những trang bị hiện đại. John Barrow, người Anh đi biển lừng danh đã sáng lập Hội Địa lý hoàng gia, dẫn thông tin của thuyền trưởng Barysi cho biết lực lượng quân đội của Nguyễn Ánh năm 1800 có 139.000 người. Trong đó lực lượng thủy quân có 26.800 người, được phân chế như sau: lính thợ làm việc trong xưởng sản xuất vũ khí: 8.000 người; thủy thủ đã đăng ký và được đưa lên những tàu ở cảng: 8000 người; phục vụ trên các tàu đóng theo kiểu châu Âu: 1.200 người; phục vụ trên các thuyền mảnh: 1.600 người; phục vụ trên 100 chiếc thuyền chiến chèo tay: 8.000 người.³³ Tuy nhiên, sức mạnh hải quân của triều Nguyễn đã tăng lên nhanh chóng. Một người Anh ký tên là H. P đến Phú Xuân năm 1819 thông tin: “nhà Nguyễn có 2.530 chiến thuyền các loại, và bất cứ lúc nào nhà vua cũng có thể huy động thêm thuyền buôn và thuyền chài đi lại chi chít ngoài ven biển”.³⁴ Vào cuối thời vua Gia Long, một chỉ huy tàu buôn người Pháp tên Rey cho hay: “năm 1820, quân đội nhà Nguyễn có 160.000 người và có thể tăng gấp đôi trong thời chiến, trong đó có khoảng 30.000 thủy binh”; đặc biệt “đại bộ phận quân lính được trang bị và huấn luyện theo kiểu châu Âu”.³⁵

Khi vua Gia Long lên nắm quyền, lực lượng hải tặc đầu tiên được ghi nhận là vụ giặc bể (nguyên văn: hải phi) là Ô Thạch và giặc Tề Ngôi xâm phạm tỉnh Quảng Yên năm 1803 ở phía Bắc.³⁶ Năm Gia Long thứ 2 (1803), “hơn trăm chiếc thuyền của giặc biển Tề Ngôi ra vào ở khoảng Tiên Yên và Vân Đồn, xâm bức bảo Cổ Dũng, lại vào cả sông Bạch Đằng, cướp bóc địa phương Kinh Môn”.³⁷ Không dừng lại ở đó, vào năm 1804 “giặc biển Tề Ngôi là tên Trạc nguy xưng là Ninh Hải đại tướng quân, họp hơn 60 chiếc thuyền, lại quấy rối châu Vạn Ninh trấn Yên Quảng”.³⁸ Năm 1805, “giặc biển Tề Ngôi họp hơn 50 chiếc thuyền lén lút ở phía ngoài biển cửa Liêu, cửa Lác và Biện Sơn”.³⁹ Năm 1806, “giặc biển Tề Ngôi họp 30 chiếc thuyền lẩn vào Hoa Phong đốt cướp bảo Phượng Hoàng”.⁴⁰ Năm 1808, “hơn 80 chiếc thuyền giặc Tề Ngôi bị người Thanh đuổi bắt, trốn chạy đến ngoài biển Yên Quảng”.⁴¹ Ngoài ra, còn có bộ phận giặc biển Chà Và bắt đầu cướp bóc ở đảo Côn Lôn năm 1804. Vùng biển Tây Nam cũng bị giặc Chà Và quấy phá, cướp bóc năm Gia Long thứ 16 (1817), 17 (1818). Bọn giặc thường nương qua các đảo

³² Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, *Sđđ*, tr. 541.

³³ J. Barrow (2008), *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)*, Nguyễn Thừa Hỷ dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội, tr. 58-59; John Barrow (1806), *A voyage to Cochinchina, in the years 1792 and 1793*, London, p. 283.

³⁴ Nguyễn Phan Quang (2002), *Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)*, *Sđđ*, tr. 24.

³⁵ Nguyễn Phan Quang (2002), *Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)*, *Sđđ*, tr. 24-25.

³⁶ Kiều Oánh Mậu (1963), *Bản triều bần nghịch liệt truyện*, Trần Khải Văn phiên dịch ra Quốc ngữ và Bửu Cầm, Nguyễn Đình Diệm, Tạ Quang Phát, Trương Bửu Lâm sửa chữa, bổ túc và chú thích, Bộ Quốc gia giáo dục Sài Gòn xuất bản, tr. 8-9.

³⁷ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, *Sđđ*, tr. 571.

³⁸ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, *Sđđ*, tr. 620.

³⁹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, *Sđđ*, tr. 639.

⁴⁰ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, *Sđđ*, tr. 654.

⁴¹ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, *Sđđ*, tr. 723.

thuộc Hà Tiên để cướp bóc các thuyền buôn. Lúc ấy, trấn thần đã phái binh tuần xét, bắt được khá nhiều và sai đóng gông đem về Kinh để giết.⁴²

Quảng Yên với cảng Vân Đồn là nơi có địa thế quan trọng để thông ra biển. Đặc biệt, bọn giặc Tề Ngôi thường lợi dụng địa hình phức tạp tại Quảng Yên để ẩn náu hoạt động. Nhận thức tầm quan trọng của Quảng Yên, vua Gia Long đã nhắc nhở về việc đặt đồn phòng thủ để ngăn ngừa giặc bể, phòng nạn buôn lậu và kiểm tra các tàu ra vào. Các công tác đồn đốc, báo cáo và tăng cường tuần tra trên biển là những hoạt động nổi bật. Vào năm 1803, vua Gia Long truyền lệnh: “từ nay về sau, hễ thấy địch thực có giặc biển qua lại ngoài biển, thì một mặt chạy báo tin hỏa tốc báo cho quan công đường chuyển, tâu, một mặt chạy báo tin hỏa tốc cho các đồn phân thủ ở ven biển vào miền trong, phía nam đến Bình Định. Lại một mặt chạy tin hỏa tốc báo cho các đồn phân thủ ven biển ra miền ngoài, phía bắc, đến sứ Bắc thành, để tiện sức cho tàu thuyền công, tư phòng bị”.⁴³

Năm Gia Long thứ 4 (1805), khi quan Bắc Thành báo cáo có nạn cướp biển mà chủ yếu là người nước Thanh, vua Gia Long đã ra dụ: “Người Thanh dung túng giặc cướp là lỗi ở họ, không nên tư báo làm chi. Duy nếu bọn giặc tụ họp thì dân ta không khỏi sợ hãi ly tán. Vậy sai trấn thần Yên Quảng đặt đồn bảo nghiêm việc phòng bị cho dân yên ổn”.⁴⁴ Với sức mạnh vượt trội, vua Gia Long cũng đã tiến hành tiêu trừ bọn giặc cướp biển Trung Hoa hoạt động trong vùng Yên Quảng. Công việc tiêu trừ cướp biển thời Gia Long chỉ đơn thuần là tiến hành các chiến dịch quân sự, lực lượng chủ yếu là quan quân chính quy của triều đình. Vào tháng 5 năm Mậu Thìn (1808), tướng triều Nguyễn là Tổng Phước Lương lại đem quân tấn công bọn cướp biển người Hoa trong vùng Yên Quảng. Quân triều đình đã đánh bại giặc ở cửa Liêu, bắt được bọn đầu lĩnh của giặc.⁴⁵

Ngoài việc triều đình tự thân xây dựng lực lượng và phát triển sức mạnh chống lại cướp biển thì vua Gia Long còn chú trọng biện pháp phối hợp với nhà Thanh, chủ yếu là chính quyền Lương Quảng để ngăn chặn hải tặc quấy rối, cướp bóc ở các tỉnh phía Bắc. Năm 1807, “giặc biển tỉnh Môn nước Thanh là Thái Khiên và Chu Phần bị quan quân nước Thanh đuổi bắt, chạy trốn ra ngoài biển, Tổng đốc Lương Quảng gửi thư cho Bắc Thành nói chuyện thuyền giặc đều mũi xanh cột buồm đỏ, nếu có chạy đến hải phận ta thì đón bắt cho. Thành thần đem việc tâu lên. Vua hạ lệnh cho các quan địa phương duyên hải từ Quảng Đức trở ra Bắc đều phát binh thuyền đi tuần xét”.⁴⁶

Có thể nói, các hoạt động bảo vệ chủ quyền của vua Gia Long đã được thực thi trên lĩnh vực quân sự bao gồm các hoạt động xây dựng và phát triển hải quân, tăng cường an ninh phòng thủ

⁴² Bùi Gia Khánh, “Hải tặc và hoạt động phòng chống hải tặc của thủy quân triều Nguyễn”, tr. 164 trong Đỗ Bang (chủ biên) (2014), *Triều Nguyễn với công cuộc bảo vệ biển đảo Tổ quốc thế kỷ XIX*, Nxb. Đà Nẵng.

⁴³ Nội các triều Nguyễn (2005), *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Tập 5, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 424.

⁴⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, *Sđđ*, tr. 625.

⁴⁵ Huỳnh Ngọc Đáng, “Sự đối phó với cướp biển Trung Hoa của triều Nguyễn”, *Tạp san Khoa học Lịch sử*, Số 35 (7-2014), tr. 4.

⁴⁶ Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, *Sđđ*, tr. 696.

cửa biển, chú trọng đóng tàu thuyền, diệt giặc cướp biển,... Những hoạt động này, đều nằm trong chiến lược khẳng định và thực thi chủ quyền hợp pháp của Việt Nam trên các vùng biển. Những nỗ lực bảo vệ an ninh lãnh thổ, tiêu trừ hải phi đã cho thấy nhận thức đúng đắn và tâm thế chủ động của vua Gia Long trong suốt những năm ông cầm quyền và điều hành đất nước.

2. Kết luận

Suốt 24 năm nếm trải muôn vàn khổ cực, Nguyễn Ánh đã kiên trì đấu tranh và khôi phục được cơ đồ. Có thể nói, vua Gia Long đã có công thống nhất đất nước sau 275 năm nội chiến (1527-1802) và cũng là người đã mở ra một triều đại nhà Nguyễn kéo dài đến 143 năm (1802-1945). Trong thời gian chưa đến 20 năm cầm quyền, vua Gia Long đã để lại nhiều bài học quan trọng từ công tác nội trị đến đối ngoại. Một trong những điều đáng ghi nhận và chú ý ở vua Gia Long là tầm nhìn hướng biển của ông. Tầm nhìn này được hình thành và phát triển trong chặng đường Nguyễn Ánh bôn ba tìm mọi phương kế khôi phục cơ đồ. Ngoài ra, sự vận động tất yếu của lịch sử cũng là nguyên nhân quan trọng thúc đẩy ý thức hướng biển của Nguyễn Ánh. Theo đó, qua thế kỷ XIX, khi triều Nguyễn thành lập và đất nước được thống nhất, biển đảo trở thành nhu cầu bức thiết trong nhiệm vụ quản lý, khai thác kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng.⁴⁷ Vì lẽ đó, ngay sau khi “thu giang sơn về một mối”, vua Gia Long đã nhanh chóng cụ thể hóa ý thức hướng biển bằng hàng loạt các hoạt động xác lập và thực thi chủ quyền biển đảo.

Là vị vua có cuộc đời lênh đênh trên biển trong chuỗi ngày đặng đẵng nuôi chí lớn khôi phục cơ đồ, Gia Long đã ý thức sâu sắc nhu cầu xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền quốc gia trên các vùng biển Việt Nam. Tầm nhìn hướng biển của vua Gia Long đã được thực hiện từ rất sớm ngay khi ông vừa nắm quyền. Các chính sách của vua Gia Long đã cho thấy tính phong phú về hoạt động và nhất quán về mục đích. Đặc biệt, các hoạt động xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền của vua Gia Long luôn gắn chặt với thực tiễn quốc gia. Các biện pháp củng cố chủ quyền trên biển đã được xác lập thông qua tăng cường kiểm soát về mặt hành chính, khai thác các tiềm lực kinh tế và bảo vệ tuyến an ninh – phòng thủ trên biển.

Kế tục những thành quả từ công cuộc khai thác, bảo vệ chủ quyền từ thời các chúa Nguyễn và Tây Sơn, vua Gia Long đã quản lý lãnh thổ với tính truyền thống được quốc tế thừa nhận. Các biện pháp thực thi cũng liên tục và thể hiện rõ ý chí của nhà nước về độc lập, chủ quyền biển đảo quốc gia. Xuyên suốt chưa đến 20 năm điều hành đất nước, vua Gia Long đã cho thấy tầm nhìn thời đại của mình đối với việc xác lập và thực thi chủ quyền của Việt Nam trên một vùng biển Đông rộng lớn (trong đó có hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa). Những chính sách của vua Gia Long là hoàn toàn phù hợp với điều kiện đất nước, thể hiện được tính toàn diện và gắn bó mật thiết với nhau.

⁴⁷ Đỗ Bang, “Triều Nguyễn với công cuộc bảo vệ biển đảo Tổ quốc vào thế kỷ XIX”, Tạp chí *Huế Xưa và Nay*, Số 122, 3-4/2014, tr. 27.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Xuân Dục (dịch) (1988), *Quốc triều chính biên toát yếu*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
2. Đại đoàn kết (2014), *Tổ quốc nơi đảo xa*, Nxb. Văn hóa – Văn nghệ.
3. Đỗ Bang (1997), *Kinh tế thương nghiệp Việt Nam dưới triều Nguyễn*, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
4. Đỗ Bang (chủ biên) (2014), *Triều Nguyễn với công cuộc bảo vệ biển đảo Tổ quốc thế kỷ XIX*, Nxb. Đà Nẵng.
5. J. Barrow (2008), *Một chuyến du hành đến xứ Nam Hà (1792-1793)*, Nguyễn Thừa Hỷ dịch, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
6. Lê Quý Đôn (1997), *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. M.A Dubois de Jancigny (1850), *L'Univers Pittoresque. Histoire et Description De Tous Les Peuples. Japon, Indo-Chine, Empire Birman (Ou Ava), Siam, Annam (Ou Cochinchine), Peninsule Malaise, Etc., Ceylan*, Firmin Didot Freres.
8. Nguyễn Phan Quang (2002), *Việt Nam thế kỷ XIX (1802-1884)*, Nxb. Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh.
9. Nguyễn Việt Long (2012), *Luật quốc tế và chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa*, Nxb. Trẻ.
10. Quốc sử quán triều Nguyễn (2002), *Đại Nam thực lục*, tập 1, Bản dịch của Viện Sử học, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
11. Trần Nam Tiến (2014), *Đội Hoàng Sa trong lịch sử xác lập và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam*, Nxb. Văn hóa – Văn nghệ.
12. Trần Trọng Kim (2005), *Việt Nam Sử lược*, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc:

NCS. Huỳnh Tâm Sáng

Khoa Lịch sử - Trường Đại học Thủ Dầu Một.

Số 06 Trần Văn Ôn, Phường Phú Hòa, Thị xã Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.

ĐT: 0974433209; Email: huyhntamsang@gmail.com